

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 14-6-2023

V/v: “*Tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ
trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Sanh

- Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 30/03/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **04/2023/QĐST-DS**, ngày 14/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khóm 2, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện cho nguyên đơn Nguyễn Văn Q: Ông Nguyễn V2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Là đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2022.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc V1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn MTB, xã ĐM, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Phạm Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022, nguyên đơn Nguyễn Văn Q trình bày: Ngày 20/02/2021, ông Phạm Ngọc V1 có mượn của ông Nguyễn Văn Q số tiền 60.000.000 đồng và ông V1 có hứa sẽ trả dần hàng tháng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, từ ngày mượn đến nay ông V không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, ông Nguyễn

Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức buộc ông Phạm Ngọc V1 phải trả cho ông Q số tiền 60.000.000 đồng; Ông Q không yêu cầu ông V1 trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Q là ông Nguyễn V2 trình bày: Ông Nguyễn Văn Q và ông Phạm Ngọc V1 là người cùng quê nên quen biết nhau và hai ông có quan hệ làm ăn với nhau. Cụ thể: Ông Q sản xuất thực phẩm là Bò viên, ông V1 lấy Bò viên của ông Q sản xuất để bán lại cho người khác. Quá trình làm ăn qua lại nhiều lần và ông V1 có nợ tiền của ông Q do lấy Bò viên đi bán lại cho người khác nhưng không trả tiền cho ông Q. Khi việc làm ăn (mua bán) giữa ông Q và ông V1 chấm dứt thì hai bên đã xác định là ông V1 còn nợ ông Q số tiền là 60.000.000 đồng. Ông V1 đã ký biên nhận nợ vào ngày 20/02/2021 và hứa là sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ nhưng từ đó đến nay ông V1 không trả tiền cho ông Q. Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V1 phải trả cho ông Q số tiền nợ là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Ông Q không yêu cầu trả lãi.

Về đơn khởi kiện thì do ông Q suy nghĩ đơn giản nên có trình bày là ông V1 mượn tiền để làm ăn là có phần chưa chính xác vì khi chấm dứt việc làm ăn, ông V1 còn nợ nhưng chưa trả thì ông Q xem như là cho ông V1 mượn tiền để làm ăn rồi trả dần cho ông Q nhưng thực tế thì đó là tiền nợ từ việc làm ăn giữa ông Q và ông V1.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Phạm Ngọc V1 nhưng ông V1 không có ý kiến gì về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về nội dung vụ việc thì số tiền mà nguyên đơn Nguyễn Văn Q yêu cầu bị đơn Phạm Ngọc V1 phải trả cho nguyên đơn là tiền nợ từ hoạt động mua bán thực phẩm (Bò viên) giữa nguyên đơn với bị đơn chứ không phải tiền vay (mượn). Trong vụ án này, bị đơn Phạm Ngọc V1 có địa chỉ cư trú tại: Thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Phạm Ngọc V1 nhưng ông V1 không có ý kiến gì về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành

xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ xác định: Bị đơn Phạm Ngọc V1 và nguyên đơn Nguyễn Văn Q có quan hệ mua bán hàng hóa thực phẩm là Bò viên do nguyên đơn sản xuất. Việc mua bán là do các bên thực hiện trên tinh thần tự nguyện theo đúng quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 430 Bộ luật dân sự. Trong quá trình mua bán qua lại với nhau thì tính đến ngày 20/02/2021 bị đơn Phạm Ngọc V1 còn nợ của nguyên đơn Nguyễn Văn Q số tiền 60.000.000 đồng. Hai bên đã lập Biên nhận trả tiền để xác nhận nợ và bị đơn có “...*hứa trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đồng...*” nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, nguyên đơn Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bị đơn Phạm Ngọc V1 phải trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 280, 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Nguyên đơn Nguyễn Văn Q không yêu cầu trả lãi nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003561 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Bị đơn Phạm Ngọc V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 60.000.000 \text{ đồng} = 3.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 5; các Điều 144, 147, 186, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 118, 119, 430 và 280, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Q. Buộc bị đơn Phạm Ngọc V1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn Q số tiền là: 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bị đơn Phạm Ngọc V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- Nguyên đơn Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003561 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hòa

